

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 43/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Lô Thị T**, sinh năm 2000; Nơi ĐKKTT: Thôn A, xã T, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện nay: Bản N, xã T, tỉnh Nghệ An.

Số CCCD: 040300015604, ngày cấp 10/4/2025, nơi cấp: Bộ C.

- Anh **Nguyễn Phúc H**, sinh năm 1993; Nơi thường trú: Thôn A, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Số CCCD: 033093000197, ngày cấp 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị T và anh Nguyễn Phúc H kết hôn trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 07/11/2018. Quá trình chung sống, hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm. Mặt khác, do không có con chung nên tình cảm vợ chồng không được gắn kết. Anh H và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[2] Về con chung: Anh H và chị T không có con chung. Hai anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Anh H và chị T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh H, chị T thống nhất để chị T tự nguyện nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[5] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Phúc H và chị Lô Thị T.

- Về con chung: Anh H và chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Anh H và chị T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lô Thị T tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000550 ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng TT,Kr, THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND + THADS khu vực 3 - Hưng Yên;
- UBND xã Triệu Việt Vương (GCN số 76, ngày 07/11/2018 của UBND xã Tân Dân cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyền

